

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V**

TỈNH N

Bản án số: 75/2022/HS-ST

Ngày: 12/05/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Anh Tuấn, bà Trần Lệ Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án TP V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP V, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2022/TLST-HS ngày 06/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐXXST-HS ngày 28/4/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** - Sinh ngày 04/6/1971 tại TP V, tỉnh N; Nơi cư trú: Phòng 904 chung cư CT1 Arita, khối 2, phường Q, TP V, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con «ng Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị; Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975; Con: có 02 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2021 đến nay - có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn D** - Sinh ngày 10/8/1982 tại Chí Linh, Hải Dương; Nơi cư trú: Khối 2, phường Đ, TP V, tỉnh N; Chỗ ở: Chung cư Bảo Sơn, khối V T, phường Hưng Bình, TP V, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con «ng Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Đ; Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1983; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2021 đến nay - có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Trà G – sinh năm 2002 - Trú tại: Khối 2, phường Q, TP V, tỉnh N – vắng mặt.

Nội dung vụ án:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 23/12/2021, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Nguyễn Văn T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn D nói nhờ D mua hộ cho T 500.000 đồng ma túy đá để sử dụng thì D đồng ý. Khoảng 15 phút sau, T đi đến nhà của D tại chung cư Bảo Sơn thuộc khối V T, phường Hưng Bình, TP V, T đứng dưới tầng 1 tiếp tục gọi điện thoại cho D nói “Anh đến đây rồi, anh uống say quá, em mua hộ cho anh mấy trăm”, D đồng ý rồi từ phòng 1209 (nơi ở của D) đi xuống gặp T. Khi gặp nhau D nói với T “thử tìm có ai mua được không”, T nói đi lại nhà Tuấn là bạn của T để hỏi, rồi T điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave Alpha, biển kiểm soát 37B2 – 86150 chở D đến nhà Tuấn ở đường Lý Thường Kiệt, TP V nhưng không gặp Tuấn nên T chở D quay về chung cư Bảo Sơn. Lúc này D gọi điện thoại cho một người đàn ông tên là Nam (D không biết địa chỉ cụ thể của Nam) hỏi mua 500.000 đồng ma túy thì Nam đồng ý và hẹn D đến đường Nguyễn Sỹ Sách, TP V để giao nhận tiền và ma túy. Thống nhất xong, T điều khiển xe máy chở D đi đến điểm hẹn, trên đường đi T đưa cho D 500.000 đồng để mua ma túy, khi đi đến đoạn số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách thì gặp Nam, D đưa cho Nam 500.000 đồng, Nam cầm tiền và chỉ cho D lấy gói ma túy bên lề đường. Sau khi mua được ma túy, T tiếp tục điều khiển xe máy chở D về chung cư Bảo Sơn, khi về đến nơi T và D đi vào sảnh của chung cư Bảo Sơn (lúc này khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày) thì bị tổ công tác Công an phường Hưng D, TP V yêu cầu kiểm tra hành chính, D liền thả gói ma túy xuống đất, lực lượng Công an yêu cầu D nhặt lên giao nộp cho Công an, kiểm tra gói ma túy bên ngoài được gói bằng giấy vệ sinh màu trắng, bên trong có một gói ni lông màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy). Người cùng tang vật được đưa về trụ sở Công an phường Hưng D, TP V lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Căn cứ biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại lập ngày 24/12/2021 và Kết luận giám định số 59/KL-PC09 ngày 29/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: “Mẫu chất tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn T gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine), có khối lượng là 0,300 gam”.

Cáo trạng số 84/CT-VKS-TPV ngày 05/04/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP V giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51 BLHS xử phạt Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong vật chứng là ma túy thu giữ của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 màu vàng thu giữ của các bị cáo là phương tiện phạm tội. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 BLTTHS, điều 23 Nghị quyết

số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, không có ý kiến tranh luận gì mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D đều khai nhận: Vào hồi 23 giờ 45 phút ngày 23/12/2021 tại khu vực sảnh chung cư Bảo Sơn, thuộc khối V T, phường Hưng Bình, TP V, tỉnh N các bị cáo có hành vi cất giữ trái phép 01 gói ma túy (Methamphetamine), khối lượng 0,300 gam để sử dụng thì bị tổ công tác Công an phường Hưng D, TP V, tỉnh N phát hiện bắt quả tang. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết quả giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi cất giữ 0,300 gam ma túy (Methamphetamine) để sử dụng mà các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D thực hiện đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

[2.2]. Vụ án thuộc loại nghiêm trọng, có đồng phạm nhưng thuộc loại giản đơn, vai trò và mức độ tham gia của các bị cáo là ngang nhau. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã vi phạm quy định về quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trên địa bàn thành phố V nói riêng và trật tự trị an xã hội nói chung. Mặc dù biết rõ tác hại về nhiều mặt do ma túy gây ra và bị nhà nước nghiêm cấm nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, ăn chơi đua đòi, nghiện ngập ma túy nên các bị cáo vẫn ngang nhiên mua ma túy về sử dụng, vì vậy cần phải xử lý nghiêm, việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên HĐXX xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

[2.3]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều là người bị nghiện ma túy, không có tài sản gì nên miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[2.4]. Về xử lý vật chứng: Gồm 01 phong bì thư niêm phong vật chứng là ma túy thu giữ của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6, màu vàng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave Alpha màu đỏ-đen-bạc, biển kiểm soát 37B2 – 861.50 Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Trà Giang (con gái bị cáo T) cho T mượn, việc T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi mua ma túy chị Giang không biết. Cơ quan CSĐT Công an TP V đã trả lại cho chủ sở hữu, chị Nguyễn Thị Trà Giang đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Trong vụ án này theo lời khai của Nguyễn Văn D còn có người đàn ông tên Nam đã bán ma túy cho D trước khu vực số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, TP V, tỉnh N nhưng do D không biết được lai lịch, địa chỉ nên cơ quan điều tra Công an thành phố V tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

[2.5]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt: Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 24/12/2021.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt: Nguyễn Văn D 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 24/12/2021.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư niêm phong vật chứng là ma túy thu giữ của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6, màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn T và 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn D. Toàn bộ số vật chứng trên hiện có tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự TP V, có đặc điểm theo phiếu nhập kho số NK2022/123 ngày 11/5/2022.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo

Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/5/2022), các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án. /.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKS ND TP V;
- VKS ND tỉnh N;
- Công an TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Trại TG công an N;
- TAND tỉnh N;
- Sở tư pháp tỉnh N;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khánh Toàn

